TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2024/DS - ST

Ngày: 31/10/2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2. Bà Lê Văn Lil.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2024/TLST – DS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1975;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B

(Chị V, anh D có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2024 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1992 anh chị tự nguyện yêu thương sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn cải vã cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện anh chị đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay xác định không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Sĩ, sinh năm 1993 và Nguyễn Sĩ Nguyên, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị V đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010613 ngày 01/10/2024 được chuyển thu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với Nguyễn Văn D, có địa chỉ cư trú tại ấp Bờ Cảng, xã Điền Hải, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1992 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân giữa anh chị không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Nay chị V yêu cầu ly hôn, không giải quyết cho anh chị ly hôn mà cần tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị V đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010613 ngày 01/10/2024 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị V đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010613 ngày 01/10/2024 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Như Ý

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.